

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP HD**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP HD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HD SERVICE SYNTHETIC JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108517675

**3. Ngày thành lập:** 16/11/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 176 đường Hoàng Sâm, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                               | 4759        |
| 2.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ môi giới bất động sản<br>Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản<br>Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>Dịch vụ quản lý bất động sản<br>Quản lý vận hành nhà chung cư | 6820        |
| 3.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                              | 7410        |
| 4.  | Hoạt động bảo vệ tư nhân<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ gồm: Dịch vụ bảo vệ con người, tài sản, mục tiêu và các hoạt động hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân                                                                              | 8010(Chính) |
| 5.  | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                 | 8121        |
| 6.  | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                     | 8129        |
| 7.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                 | 8130        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                   | 8299        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                 | 9639        |
| 10. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                     | 4101        |

|     |                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Xây dựng nhà không để ở                                                                              | 4102 |
| 12. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                        | 4211 |
| 13. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                         | 4212 |
| 14. | Xây dựng công trình điện                                                                             | 4221 |
| 15. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                  | 4222 |
| 16. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                    | 4229 |
| 17. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                      | 4292 |
| 18. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                | 4293 |
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                           | 4299 |
| 20. | Phá dỡ                                                                                               | 4311 |
| 21. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                    | 4312 |
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321 |
| 23. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                | 4322 |
| 24. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                       | 4330 |
| 25. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                  | 4390 |
| 26. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                      | 4659 |
| 27. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                              | 4663 |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 29. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                   | 4223 |
| 30. | Xây dựng công trình thủy                                                                             | 4291 |
| 31. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                       | 4329 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HOA THỊ HUYỀN | Thôn Đại Đồng, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 140.000    | 1.400.000.000         | 70,000    | 001190002783                                                                                |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số           | 140.000    | 1.400.000.000         | 70,000    |                                                                                             |         |

